

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 27/9/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Thái**

Ông Nguyễn Duy Khương

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 271/2023/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 17 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST- HN, ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Châu Văn B**, sinh năm 1982 (*Có mặt*).

* Bị đơn: Chị **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1986 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp VH, xã VHP, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Châu Văn B trình bày như sau:**

Vào năm 2005, anh và chị Phạm Thị Kim T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 27/3/2006. Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên

Châu Văn Kiệt, sinh ngày 20/9/2005 và Châu Thị Kim Ngọc, sinh ngày 23/01/2009. Về tài sản chung và nợ chung, anh và chị T không có tạo lập được tài sản chung cũng như không có nợ chung trong thời gian chung sống với nhau.

Thời gian đầu anh và chị T chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cự cãi, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm. Anh chị đã ly thân hơn 02 năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn cuộc sống gia đình.

Nay xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xin được ly hôn với chị Phạm Thị Kim T.
- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Châu Văn Kiệt, sinh ngày 20/9/2005 và Châu Thị Kim Ngọc, sinh ngày 23/01/2009. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Phạm Thị Kim T:**

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng chị T không đến Tòa án nên không có lời khai.

*** Tại phiên tòa:**

- Anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Châu Văn B. Cho anh Châu Văn B được ly hôn với chị

Phạm Thị Kim T. Về con chung: giao 02 người con chung cho anh B nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Kim T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh B và chị T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 27/3/2006 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo anh B trình bày: Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh B yêu cầu xin ly hôn với chị T. Xét thấy, yêu cầu của anh là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như lời trình bày của anh B thì anh và chị T đã ly thân hơn 02 năm nay, anh chị không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vẫn cương quyết xin ly hôn với chị T. Đối với chị T, Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng chị T không tham dự cũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày của anh B và tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn không tham dự. Từ đó, cho thấy chị T không có thiện chí để hàn gắn với anh B. Do đó, có căn cứ là hôn nhân giữa anh B và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

- *Về con chung:* Anh B và chị T có 02 con chung tên Châu Văn Kiệt, sinh ngày 20/9/2005 và Châu Thị Kim Ngọc, sinh ngày 23/01/2009. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của cháu Châu Văn Kiệt và cháu Châu Thị Kim Ngọc ngày 23/8/2023 thì 02 cháu có nguyện vọng sống chung với cha là anh B. Tại phiên tòa hôm nay, anh B xác định hiện nay anh là người đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nên anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Phía chị T cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì. Do đó, cần giao 02 con chung tên Châu Văn Kiệt, sinh ngày 20/9/2005 và Châu Thị Kim Ngọc, sinh ngày 23/01/2009 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn

toàn phù hợp. Trong thời gian anh B nuôi dưỡng 02 con chung thì chị T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh B xác nhận anh và chị T không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Châu Văn B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Châu Văn B.

1/ Về hôn nhân: Anh Châu Văn B được ly hôn với Chị Phạm Thị Kim T.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Châu Văn Kiệt, sinh ngày 20/9/2005 và Châu Thị Kim Ngọc, sinh ngày 23/01/2009 cho anh Châu Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Kim T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Châu Văn B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào T tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh B đã nộp theo biên lai thu T số 0000905 ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (anh B đã nộp xong).

5/ Quyền kháng cáo: Anh Châu Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Hòa Phú;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo